

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10-6-2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,
tranh chấp chia tài sản chung khi
ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Lưu Chúc;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Niê Y Ling;

+ Bà Bùi Thị Lùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tô Thị T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Chỗ ở hiện nay: 103 Lạc Long Q, Phường P, thành phố T, tỉnh P. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lưu Ngọc C – Luật sư Văn phòng luật sư N thuộc đoàn luật sư tỉnh P. Địa chỉ: N, Phường B, thành phố T, tỉnh P. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Đình D, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Xuân H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Tô Thị T trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh D chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện S, tỉnh P vào ngày 06/11/2013. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bạo lực. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07 năm 2017 cho đến nay, mỗi người không quan tâm chăm sóc nhau. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D

+ *Về con chung:* Có 01 con chung là cháu Hoàng Đình Trọng H, sinh ngày 29/3/2014. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức 2.000.000 đồng/tháng.

+ *Về tài sản chung:*

Yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đối với thửa đất 507, tờ bản đồ số 25, diện tích 210 m²; địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Phạm Xuân Hồng và bà Nguyễn Thị Hiền vào ngày 12/8/2015; Công sức giữ gìn tôn tạo nhà cửa tại Khu phố 5, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên, tài sản gồm một số gỗ và vật dụng trong nhà. Đối với số tiền 235.000.000 đồng chị T đã sử dụng vào các nhu cầu thiết yếu của gia đình nên không còn để phân chia.

Bị đơn anh Hoàng Đình D trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Anh D thừa nhận có chung sống với chị T tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp đúng như chị T trình bày, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh D chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị T.

+ *Về con chung:* Có 01 con chung như chị T trình bày, anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung:* Anh D đồng ý phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại Khu phố 8, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên mua của ông Hồng, bà Hiền cùng tài sản khác. Anh D có yêu cầu phản tố phân chia tài sản chung của vợ chồng là số tiền 235.000.000 đồng chị T đang nắm giữ yêu cầu phân chia mỗi người một nửa.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh D yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Đình Trọng H, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh D và chị T thống nhất thỏa thuận giá trị tài sản đúng như biên bản định giá tài sản ngày 06 tháng 3 năm 2020; Yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 507, tờ bản đồ số 25, diện tích 210 m² tại Khu phố T, thị trấn H, huyện S, tỉnh P lập ngày 12/8/2015 giữa ông H, bà H1 với anh D, chị T. Anh D được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gồm quyền sử dụng đất đối

với thửa đất số 507, tờ bản đồ số 25 diện tích 210m² trị giá 250.000.000 đồng, giá trị tôn tạo sửa chữa nhà tại Khu phố N, thị trấn H, huyện S, tỉnh P là 12.000.000 đồng, số gỗ trị giá 10.900.000 đồng; tivi, máy giặt, tủ lạnh trong gia đình trị giá 7.000.000 đồng. Anh D có nghĩa vụ thối lại cho chị T số tiền là 100.000.000 đồng. Anh D rút yêu cầu phản tố yêu cầu phân chia số tiền 235.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

*** Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hiếu và buộc anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức 1.500.000 đồng/tháng, về tài sản chung đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, các đương sự phải chịu án phí và chi phí định giá theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp phân chia tài sản chung khi ly hôn” đối với anh D hiện đang trú tại: Khu phố 5, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp, tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Chị T và anh D đều có nguyện vọng ly hôn nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hiếu và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Xét thấy, anh D là người thường xuyên phải đi làm xa nhà, không có điều kiện nuôi dạy, chăm sóc con cái, chị T là người thường xuyên gần gũi con, kể từ khi sống ly thân đến nay cháu Hiếu đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, con đã sống ổn định với mẹ và để ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển của trẻ việc giao con cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tại phiên Tòa, chị T và anh D tự nguyện thỏa thuận cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hiếu, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức 1.500.000 đồng/tháng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Hiếu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mức 1.500.000 đồng/tháng.

[4] Về tài sản chung:

Việc định giá tài sản có sự vi phạm về thủ tục thành lập hội đồng định giá nên Hội đồng xét xử không lấy kết quả định giá tài sản làm căn cứ để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu định giá lại mà tự nguyện thỏa thuận giá trị tài sản tranh chấp như kết quả định giá tài sản, Hội đồng xét xử căn cứ sự thỏa thuận về giá của các bên làm căn cứ giải quyết vụ án.

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 507, tờ bản đồ 25, diện tích 210 m², tại Khu phố T, thị trấn H, huyện S, tỉnh P giữa ông H, bà H1 và anh D, chị T có sự vi phạm về hình thức và thủ tục. Các bên đều yêu cầu công nhận hợp đồng nên Hội đồng chấp nhận và xác định đây là tài sản chung của anh D, chị T để phân chia.

Xét việc các bên thỏa thuận phân chia tài sản của anh D, chị T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận:

- Anh D được quyền sở hữu đối với quyền sử dụng thửa đất số 507, tờ bản đồ số 25, diện tích 210 m² tại Khu phố T, thị trấn H, huyện S, tỉnh P nhận chuyển nhượng từ ông H, bà H trị giá 250.000.000 đồng, sở hữu giá trị tôn tạo nhà là 12.000.000 đồng, số gỗ trị giá 10.900.000 đồng, 01 tivi trị giá 4.000.000 đồng, 01 máy giặt trị giá 2.000.000 đồng, 01 tủ lạnh trị giá 1.000.000 đồng.

- Anh D có nghĩa vụ bồi lại cho chị T số tiền 100.000.000 đồng.

[5] Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Tại phiên tòa, bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố không yêu cầu Tòa án phân chia số tiền 235.000.000 đồng; Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của anh Hoàng Đình D về việc yêu cầu phân chia số tiền 235.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chị T phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng;

- Anh D phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng;

- Anh D và chị T phải chịu án phí đối với yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 300.000 đồng, phần mỗi người là 150.000 đồng;

- Chị T phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận là $5\% \times 100.000.000$ đồng = 5.000.000 đồng;

- Anh D phải chịu án phí đối với phần giá trị tài sản được nhận là $5\% \times (250.000.000 \text{ đồng} + 12.000.000 \text{ đồng} + 10.900.000 \text{ đồng} + 4.000.000 \text{ đồng} + 2.000.000 \text{ đồng} + 1.000.000 \text{ đồng} - 100.000.000 \text{ đồng}) = 8.995.000 \text{ đồng}$.

[7] Về chi phí định giá: Trả lại cho chị T số tiền tạm ứng chi phí định giá 3.000.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 56, 59, 60, 62, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tô Thị T, chị Tô Thị T được ly hôn với anh Hoàng Đình D.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Đình Trọng H, sinh ngày 29/3/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức 1.500.000 đồng/tháng; việc cấp dưỡng bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 507, tờ bản đồ số 25, diện tích 210 m² tại Khu phố T, thị trấn H, huyện S, tỉnh P lập ngày 12/8/2015 giữa ông H, bà H1 và anh D, chị T.

- Giao cho anh D sở hữu đối với quyền sử dụng thửa đất số 507, tờ bản đồ số 25, diện tích 210 m² tại Khu phố T, thị trấn H, huyện S, tỉnh P trị giá 250.000.000 đồng; giá trị giữ gìn, tôn tạo nhà cửa tại Khu phố N, thị trấn H, huyện S, tỉnh P là 12.000.000 đồng, số gỗ trị giá 10.900.000 đồng, 01 tivi trị giá 4.000.000 đồng, 01 máy giặt trị giá 2.000.000 đồng, 01 tủ lạnh trị giá 1.000.000 đồng.

- Anh D có nghĩa vụ bồi thường cho chị T số tiền 100.000.000 đồng.

4. Về yêu cầu phân chia: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phân chia số tiền 235.000.000 đồng của anh D.

5. Về án phí:

- Chị T phải chịu 5.450.000 đồng tiền án phí, được tính trừ số tiền tạm ứng án phí 5.657.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0015103 ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh; Trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 207.000 đồng.

- Anh D phải chịu 9.445.000 đồng tiền án phí, được tính trừ số tiền tạm ứng án phí 2.937.500 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0015113 ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh; Anh D còn phải nộp 6.507.500 đồng.

6. Về chi phí định giá: Trả lại cho chị T số tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản là 3.000.000 đồng đã nộp cho Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Bùi Lưu Chúc